TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **501**/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 9 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 131/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2025 giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị Cẩm T**, sinh ngày 17/02/1997. Địa chỉ: E4A/58, Ấp *, xã H, huyện B, Thành phố H (nay là E4A/58, Ấp *, xã H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Số CCCD: ***, ngày cấp 18/9/2022 tại Cục Quản lý Hành chính về TTXH.

- Bị đơn: Ông **Cao Nguyễn Anh C**, sinh ngày 01/8/1998. Địa chỉ: D10/11E, Ấp *, xã T, huyện B, Thành phố H(nay là D10/11E, Ấp *, xã B, Thành phố H).

Số CCCD: ***, ngày cấp 20/01/2022 tại Cục Quản lý Hành chính về TTXH.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 9 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Cao Nguyễn Anh C và bà Phạm Thị Cẩm T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Ông Cao Nguyễn Anh C và bà Phạm Thị Cẩm T thuận tình ly hôn.

Giấy Chứng nhận kết hôn số 09/2020 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, Thành phố H cấp ngày 17/01/2020 cho ông Cao Nguyễn Anh C và bà Phạm Thị Cẩm T không còn giá trị pháp lý.

2.2. Về con chung: Ông Cao Nguyễn Anh C và bà Phạm Thị Cẩm T chung sống với nhau có 02 con chung tên là trẻ Cao Bảo Mộc N (nữ) sinh ngày: 05/6/2020 và trẻ Cao Phương A (nữ), sinh ngày 27/4/2024. Khi ly hôn, ông Cao Nguyễn Anh C và bà Phạm Thị Cẩm T cùng thống nhất giao 02 con chung tên là trẻ Cao Bảo Mộc N (nữ) sinh ngày: 05/6/2020 và trẻ Cao Phương A (nữ), sinh ngày 27/4/2024 cho bà Phạm Thị Cẩm T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Cao Nguyễn Anh C cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/tháng cho mỗi trẻ, cho đến khi 02 trẻ Cao Bảo Mộc N và trẻ Cao Phương A trưởng thành.

Ông Cao Nguyễn Anh C và bà Phạm Thị Cẩm T thực hiện việc giao và nhận tiền cấp dưỡng nuôi con vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ ngày 10/10/2025 cho đến khi con chung trưởng thành. Các bên có quyền thỏa thuận phương thức và địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng. Trường hợp không thỏa thuận được thì các bên thực hiện giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con hàng tháng tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông Cao Nguyễn Anh C không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con theo thỏa thuận thì bà Phạm Thị Cẩm T có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành việc ông Cao Nguyễn Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Kể từ khi bà Phạm Thị Cẩm T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Cao Nguyễn Anh C chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông Cao Nguyễn Anh C phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

2.3. Về tài sản chung: Ông Cao Nguyễn Anh C và bà Phạm Thị Cẩm T xác nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Ông Cao Nguyễn Anh C và bà Phạm Thị Cẩm T xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2.5. Về án phí: Bà Phạm Thị Cẩm T tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000

(Ba trăm nghìn) đồng mà bà Phạm Thị Cẩm T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số ký hiệu: BLTU/25E/0005342 ngày 24/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Phạm Thị Cẩm T đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự (2).
- VKSND KV10 (2).
- THADS TP.HCM (1).
- Cơ quan đăng ký kết hôn (1).
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (3).

THẨM PHÁN

Trần Thị Thanh Huyền